

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm mai thụ lý số: 104/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường C, quận T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh P

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đình H, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh P

- *Bị đơn*: Ông Điều S, sinh năm 1949;

Cư trú: Thôn H1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Thị Y R, sinh năm 1962, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Điều S (Văn bản ủy quyền số 2177 ngày 15 tháng 4 năm 2024)

2. Ông Điều V1, sinh năm 1993;

3. Ông Điều S1, sinh năm 1998;

Cùng cư trú: Thôn H1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Các đương sự thống nhất bị đơn ông Điều S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Thị Y R, ông Điều V1, ông Điều S1 có nợ của Ngân hàng N số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2024, tổng cộng là: 402.052.904 (*Bốn trăm linh hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn chín trăm linh bốn*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 8.670.000 đồng; tiền nợ lãi quá hạn: 135.573.699 đồng, lãi phạt chậm trả: 57.808.520 đồng.

2.2. Về nghĩa vụ thanh toán:

Đến thời hạn cuối cùng vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, bị đơn ông Điều S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Thị Y R, ông Điều V1, ông Điều S1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14 tháng 5 năm 2024, tổng cộng là: 402.052.904 (*Bốn trăm linh hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn chín trăm linh bốn*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 200.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 8.670.000 đồng; tiền nợ lãi quá hạn: 135.573.699 đồng, lãi phạt chậm trả: 57.808.520 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 16 tháng 5 năm 2024) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp đến thời hạn trả nợ, bị đơn ông Điều S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua bà Thị Y R, ông Điều V1, ông Điều S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ. Ngân hàng N có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00000889/HĐTC-QSĐĐ ngày 08 ngày 02 tháng 2018 và tài sản trên đất để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng N là Quyền sử dụng đất số bìa: 323858; số vào sổ DK 171/QSĐĐ do UBND huyện Phước Long (cũ) cấp ngày 23 tháng 7 năm 1997 cấp cho cho hộ ông Điều S; diện tích: 19192 m²; Địa chỉ thửa đất: Thôn H1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm, số tiền thu được vượt quá nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thì phần dư được trả lại cho ông Điều S, bà Thị Y R, ông Điều V1, ông Điều S1. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Điều S, bà Thị Y R, ông Điều V1, ông Điều S1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết nợ cho Ngân hàng N.

2.3. Chi phí tố tụng: Ông Điều S, bà Thị Y R, ông Điều V1, ông Điều S1 phải chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ. Do nguyên

đơn đã đóng tạm ứng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng nên bà ông Điều S, bà Thị Y R, ông Điều V1, ông Điều S1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng N số tiền này.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.820.836 (*Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn tám trăm ba mươi sáu*) đồng các đương sự thống nhất thỏa thuận Ông Điều S, bà Thị Y R, ông Điều V1, ông Điều S1 phải chịu.

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 8.262.991 đồng theo biên lai thu số 0006633 ngày 23 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Công